

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 26/7/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Tuấn.

2. Bà Đinh Hồ Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2023/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1991; địa chỉ: ấp TY, xã TT, huyện CL, tỉnh Bến Tre (vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh Phạm Minh T - Sinh năm: 1989; địa chỉ: ấp TY, xã TT, huyện CL, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2011, chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Minh T có tiền đến hôn nhân. Hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 18/4/2011.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do cuộc sống chung có nhiều bất đồng quan điểm nên anh chị hay cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay.

Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh T. Chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 04 người con chung là Phạm Tuấn A - Sinh ngày 23/9/2011, Phạm Quốc Đ - Sinh ngày 24/12/2013, Phạm Bảo N - Sinh ngày 01/3/2019 và Phạm Gia H - Sinh ngày 08/6/2021.

Sau khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi 02 con là Phạm Bảo Nc và Phạm Gia H, hiện nay 02 con đang sống với chị. Anh T nuôi 02 con là Phạm Tuấn A và Phạm Quốc Đ, hiện nay 02 con đang sống với anh T. Anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con lẫn nhau.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T.

Về con chung:

Giao cháu Phạm Tuấn A - Sinh ngày 23/9/2011, Phạm Quốc Đ - Sinh ngày 24/12/2013 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao cháu Phạm Bảo N - Sinh ngày 01/3/2019 và Phạm Gia H - Sinh ngày 08/6/2021 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do vậy, việc Tòa án không thể tiến hành hòa giải và việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Minh T là tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thiềng, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 18/4/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc một thời gian thì đời sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn và chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh. Từ đó cho thấy, anh không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa anh chị. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp.

Do chị T không yêu cầu và do anh T vắng mặt và không gửi cho Tòa án ý kiến hay yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về con chung:* Anh chị có 04 người con chung là Phạm Tuấn A - Sinh ngày 23/9/2011, Phạm Quốc Đ - Sinh ngày 24/12/2013, Phạm Bảo N - Sinh ngày 01/3/2019 và Phạm Gia H - Sinh ngày 08/6/2021.

Do các cháu Tuấn A, Quốc Đ đang sống với anh T. Do vậy, cần giao 02 con cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Do các cháu Bảo N, Gia H đang sống với chị T. Do vậy, cần giao 02 con cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận việc chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản*: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ*: Chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

Anh T vắng mặt và không gửi cho Tòa án ý kiến hay yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản, về nợ nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Minh T.

Chị T, anh T không phải cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung:

Giao các cháu Phạm Tuấn A - Sinh ngày 23/9/2011, Phạm Quốc Đ - Sinh ngày 24/12/2013 cho anh T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay con đang sống với anh T.

Giao các cháu Phạm Bảo N - Sinh ngày 01/3/2019, Phạm Gia H - Sinh ngày 08/6/2021 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay con đang sống với chị T.

Ghi nhận việc chị T, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với người con mà mình trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,

chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cơ quan có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ: Chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

Anh T vắng mặt và không gửi cho Tòa án ý kiến hay yêu cầu gì về tài sản, về nợ nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001744 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã (nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn);
- Lưu hsva, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Dương Ngọc Tú